TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày: 17-03-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Tùng;

Ông Lê Hòa Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Công Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Rô Đăm Quyết, bà Lê Thị Thúy Danh– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/HSST- QĐ ngày 17/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/HSST- QĐ ngày 17/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **PHẠM VĂN X** - Sinh ngày 08 tháng 01 năm 1994 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số thẻ CCCD: 051094001309; cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn C và con bà: Phạm Thị B; Vợ: Phạm Thị N và 02 con (lớn nhất sinh năm 2016; nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/11/2023 đến ngày 10/12/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh từ ngày 10/12/2023 đến 11/3/2024. Từ

ngày 11/3/2024, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **PHẠM VĂN T** - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051090017849; cấp ngày 25 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn X1 và con bà: Phạm Thị T1; Vợ: Phạm Thị P và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay (có mặt).

3. Họ và tên: **PHẠM VĂN H** - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051092001625; cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn G và con bà: Phạm Thị D1; Vợ: Phạm Thị T2 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2013; nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/7/2024 tại tại xã A, huyện A, tỉnh Bình Định đến nay. (có mặt).

4. Họ và tên: **PHẠM THỊ C1** - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051174008297; cấp ngày 25 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn I và con bà: Phạm Thị T3; Chồng: Phạm Văn X2 và 02 con (lớn nhất sinh năm 1994; nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

5. Họ và tên: **PHẠM VĂN D2**- Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1989 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số thẻ CCCD: 051089009335; cấp ngày 25 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn X3 và con bà: Phạm Thị T4; Vợ: Phạm Thị H1 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

6. Họ và tên: **PHẠM VĂN G1** - Sinh ngày 05 tháng 8 năm 1984 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051084002179; cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn X4 và con bà: Phạm Thị Ú; Vợ: Phạm Thị A và 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

7. Họ và tên: **PHẠM VĂN C2** - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1989 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051089011521; cấp ngày 25 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn S và con bà: Phạm Thị V; Vợ: Phạm Thị H2 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2009; nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

8. Họ và tên: **PHẠM VĂN H3** - Sinh ngày 12 tháng 01 năm 1997 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051097016028; cấp ngày 25 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn C3 và con bà: Phạm Thị M; Vợ: Phạm Thị Đ và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

9. Họ và tên: **PHẠM VĂN X5**- Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1987 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051087001731; cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn Đ1 và con bà: Phạm Thị T5; Vợ: Phạm Thị N1 và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

10. Họ và tên: **PHẠM VĂN X6** - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985, tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051085017200; cấp ngày 30

tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn Đ1 và con bà: Phạm Thị T5; Vợ: Phạm Thị G2 và 02 (Con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

11. Họ và tên: **PHẠM VĂN S1-** Sinh ngày 08 tháng 02 năm 1996 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051096008280; cấp ngày 19 tháng 02 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn Đ2 và con bà: Phạm Thị N2; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

12. Họ và tên: **PHẠM VĂN M1**- Sinh ngày 06 tháng 7 năm 1989 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051089017794; cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn T6 và con bà: Phạm Thị C4; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

13. Họ và tên: **PHẠM VĂN Ứ**- Sinh ngày 15 tháng 3 năm 1988 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051088006112; cấp ngày 15 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn G3 và con bà: Phạm Thị I1; Vợ: Phạm Thị P1 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2012; nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

14. Họ và tên: **PHẠM VĂN H4**- Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051078008735; cấp ngày 19 tháng 02 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn B1 và con bà: Phạm Thị R; Vợ: Phạm Thị G4 và 02 con (lớn nhất sinh năm 1998; nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn

chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

15. Họ và tên: **PHẠM VĂN R1** - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051075010312; cấp ngày 18 tháng 10 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn T7 và con bà: Phạm Thị K; Vợ: Phạm Thị C5 và 02 con (lớn nhất sinh năm 1996; nhỏ nhất sinh năm 1999); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

16. Họ và tên: **ĐINH VĂN T8** - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997 tại: huyện A, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 052097012091; cấp ngày 06 tháng 9 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Đinh Văn M2 và con bà: Đinh Thị L; Vợ: Phạm Thị P2 và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

17. Họ và tên: **PHẠM VĂN T9** - Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1996 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051096003391; cấp ngày 06 tháng 9 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn G5 và con bà: Phạm Thị K1; Vợ: Phạm Thị P3 và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

18. Họ và tên: **PHẠM VĂN N3** - Sinh ngày 10 tháng 8 năm 1980 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051080002220; cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn G6 và con bà: Phạm Thị G7; Vợ: Phạm Thị H5 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2011; nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

19. Họ và tên: **PHẠM VĂN M3** - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051090009390; cấp ngày 25 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn D3 và con bà: Phạm Thị C6; Vợ: Phạm Thị N4 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2012; nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

20. Họ và tên: **PHẠM THỊ B2** - Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1983 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051183013789; cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn G3 và con bà: Phạm Thị I1; Chồng: Phạm Văn M4 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2002; nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

21. Họ và tên: **PHẠM THỊ B3** - Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1986 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051186002115; cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn D2 và con bà: Phạm Thị N5; Chồng: Phạm Văn T10; con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

22. Họ và tên: **PHẠM THỊ P** - Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1994 tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051194012423; cấp ngày 25 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn D4 và con bà: Phạm Thị C7; Chồng: Phạm Văn T và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

23. Họ và tên: **PHẠM THỊ H1**- Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1996 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nữ; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051196007013; cấp ngày 17 tháng 12 năm 2021; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn L1 và con bà: Phạm Thị G8; Chồng: Phạm Văn D2 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

24. Họ và tên: **PHẠM THỊ P3** - Sinh ngày 02 tháng 06 năm 2002 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051302011354; cấp ngày 30 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn C8 và con bà: Phạm Thị H1; Chồng: Phạm Văn T9 và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

25. Họ và tên: **PHẠM THỊ H6** (tên gọi khác: Phạm Thị N6)- Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051179006088; cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn C9 và con bà: Phạm Thị Đ3; Chồng: Phạm Văn R2 –và 02 con (lớn nhất sinh năm 2015; nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

26. Họ và tên: **PHẠM VĂN L2** - Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1988 tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số Thẻ CCCD: 051088014941; cấp ngày 25 tháng 5 năm 2022; Nơi cấp: Cục C16 về TTXH; Con ông: Phạm Văn X4 và con bà: Phạm Thị Ú; Vợ: Phạm Thị T11 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2010; nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đến nay. (có mặt).

** Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn D2, Phạm Văn H, Phạm Văn Ứ, Phạm Văn L2, Phạm Văn H4*: Ông Bùi Phú V1- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số F, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn G1, Đinh Văn T8:* Ông Nguyễn Xuân P4- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số F, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

** Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn X6, Phạm Văn X5, Phạm Văn S1, Phạm Văn R1, Phạm Thị H6:* Ông Nguyễn Chí K2- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số F, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

** Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Thị P3, Phạm Thị B2, Phạm Thị H1, Phạm Thị C1, Phạm Thị B3:* Ông Bùi Minh N7- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số F, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

** Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn M1, Phạm Văn N3, Phạm Văn M3, Phạm Văn T9, Phạm Thị P:* Ông Nguyễn Tài D5- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số F, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

** Người bị hại:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L7; địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Sỹ S2- Phó Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L7. (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phạm Văn C10; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (vắng mặt không lý do).

2. Ông Phạm Văn Đ2; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt không lý do).

3. Bà Phạm Thị K1; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

4. Ông Phạm Văn L3; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

5. Ông Phạm Văn L4; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

6. Ông Phạm Văn M4; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

7. Bà Phạm Thị N1; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

8. Ông Phạm Văn P5; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (vắng mặt không lý do).

9. Bà Phạm Thị H2; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

10. Ông Phạm Văn G5; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

11. Bà Phạm Thị C11; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

12. Bà Phạm Thị A; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

13. Ông Phạm Văn G9; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

14. Bà Phạm Thị B4; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

15. Bà Phạm Thị T11; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

16. Bà Phạm Thị M5; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (vắng mặt không lý do).

17; Bà Phạm Thị C5; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

18. Ông Phạm Văn H7; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

19. Bà Phạm Thị B5; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

20. Bà Phạm Thị H8; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

21. Bà Phạm Thị G4; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

22. Ông Phạm Văn H9; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

23. Bà Phạm Thị B6; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

24. Bà Phạm Thị H5; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

25. Bà Phạm Thị N4; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

26. Bà Phạm Thị P2; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

27. Ông Phạm Văn Ă; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

28. Bà Phạm Thị S3; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

29. Bà Phạm Thị N8; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (vắng mặt không lý do).

30. Bà Phạm Thị B7; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

31. Bà Phạm Thị C12; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

32. Bà Phạm Thị H1; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

33. Ông Phạm Văn H10; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

34. Ông Phạm Văn L1; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

35. Ông Phạm Văn G10; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

36. Bà Phạm Thị K3; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

37. Bà Phạm Thị C13; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

38. Bà Phạm Thị G11; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

39. Bà Phạm Thị Á; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

40. Bà Phạm Thị B8; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

41. Ông Phạm Văn Q; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

42. Bà Phạm Thị B9; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

43. Bà Phạm Thị B10; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

44. Ông Phạm Văn C14; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

45. Bà Phạm Thị N9; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

46. Ông Phạm Văn G12; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

** Người làm chứng:*

1. Ông Ngô Minh Đ4; nơi cư trú: Thôn L- D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

2. Ông Trần Việt T12; nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

3. Ông Phạm Văn P6; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

4. Ông Phạm Văn Đ5; nơi cư trú: Tổ dân phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

5. Ông Phạm Văn H11; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

6. Ông Phạm Văn T13; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

7. Ông Tống Duy T14; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

8. Ông Nguyễn Quốc B11; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

9. Ông Trần Vũ Q1; nơi cư trú: Thôn L- D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

10. Ông Trần Anh C15; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

11. Ông Võ Thành Ngọc H12; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; (có mặt).

12. Ông Lê Bá T15; nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

* *Điều tra viên*: Ông Dương Thanh L5- thuộc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện B. (có mặt).

* *Người phiên dịch*: Ông Phạm Văn T16- Công chức văn phòng UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi- (phiên dịch tiếng Hre). (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Vụ thứ nhất:**

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 07/02/2023, các đối tượng đều ở tổ C, thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi mang theo cuốc, cây keo con đến thửa đất Công ty TNHH MTV L7 *(sau đây viết tắt là Công ty)* tại tiểu khu D, tổ C, thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi *(thuộc vị trí thửa đất được UBND huyện B giao đất cho công ty theo Quyết định giao đất, giao rừng số 105/QĐ-UBND, ngày 10/9/1994; sau đó đến ngày 12/8/2015 UBND tỉnh Q cho công ty thuê đất theo Quyết định số 251/QĐ-UBND và ngày 31/12/2015, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 784861 cho công ty. Đây là vị trí người dân tổ C tranh chấp, chiếm đất với công ty từ tháng 5/2022)* để trồng cây keo con nhằm mục đích chiếm đất của Công ty. Khi đi, bị cáo Phạm Văn X, bị cáo Phạm Văn D2 đánh K4 *(Đây là cái kẻng được treo trên cây Vừng đối diện nhà bị can Phạm Văn X ở bên kia đường bê tông, là đồ vật của thôn C để mỗi khi có cuộc họp thì đánh kẻng báo người dân biết tập trung tại nhà văn hóa thôn gần đó)* mục đích kêu các đối tượng thức dậy cùng đi trồng cây keo chung để giành, chiếm đất Công ty theo nội dung các đối tượng đã thống nhất với nhau trước đó (Thống nhất nội dung: để giành lại đất, sáng ngày 07/02/2023 mỗi nhà ai tham gia thì mua một bịch cây keo con để cùng trồng chung, ai ưng tham gia thì tham gia, không có ép buộc. Việc thống nhất này không tổ chức họp ở nhà ai mà trong lúc các đối tượng tập trung gần xóm, lúc tắm nước ở bể nước sạch đã nói chuyện và thống nhất; sau đó mọi người cứ

truyền tai nhau về nội dung trên để cùng thực hiện, không đề cập đến việc đập phá tài sản của Công ty).

Tiếp đó, 66 người dân thuộc tổ C, thôn C, xã B kéo đến vị trí thửa đất của Công ty, tràn ra trồng cây keo trên toàn bộ diện tích gần 20ha. Trong đó có 15 bị cáo (gồm: Phạm Văn X, Phạm Văn G1, Phạm Văn D2, Phạm Văn M1, Đinh Văn T8, Phạm Văn X5, Phạm Văn L2, Phạm Văn R1, Phạm Văn N3, Phạm Văn S1, Phạm Thị B3, Phạm Thị C1, Phạm Thị B2, Phạm Thị H1, Phạm Thị H6) dùng tay nhổ bỏ 250 cây keo trên diện tích 996,7m^2 tại vị trí thửa đất thuộc lô 46, khoảnh 5, tiểu khu D mà công ty đã hợp đồng kinh tế trồng rừng sản xuất với ông Phạm Văn Đ2 (SN 1975) ở thôn C vào ngày 29/01/2023 (loại cây keo lai 5,5 tháng tuổi, dòng AH7, có đường kính gốc 0,5cm, dài 70cm), nhổ bỏ 773 cây keo trên diện tích 3.999m^2 tại vị trí thửa đất thuộc lô 37, khoảnh 4, tiểu khu D mà công ty đã hợp đồng kinh tế trồng rừng sản xuất với ông Phạm Văn C10 (SN 1981) ở thôn C vào ngày 30/01/2023 (loại cây keo lai 5,5 tháng tuổi, dòng AH7, có đường kính gốc 0,5cm, dài 70cm). Sau đó, nam giới dùng cuốc đào hố, phụ nữ và người lớn tuổi dùng tay trồng lại cây keo mà người dân mang theo.

Sau khi trồng hết số cây keo con chuẩn bị trước đó, lúc này 13 bị cáo (gồm: Phạm Văn X, Phạm Văn G1, Phạm Văn T, Phạm Thị P, Phạm Văn M3, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn M1, Đinh Văn T8, Phạm Thị H1, Phạm Thị B3, Phạm Thị B2, Phạm Thị H6) và các đối tượng đang tập trung xung quanh láng trại của Công ty. Còn các đối tượng khác đứng rãi rác phía dưới sườn núi cách lán trại khoảng 150m. Thời điểm này, bị cáo Phạm Văn X bắt đầu nãy sinh ý định muốn đập phá láng trại công ty để đuổi nhân viên công ty đi về, không cho ở trên đất đã chiếm được nên bị can X nói to tiếng "Đập trại, đập trại" thì hầu hết các đối tượng đang tập trung xung quanh láng trại nghe được nên đều có ý muốn đập phá láng trại như bị cáo X (trong đó, các bị cáo: Phạm Văn T, Phạm Thị P, Phạm Văn G1, Phạm Văn M1, Phạm Văn C2, Phạm Thị B3 và các đối tượng: Phạm Thị S3, Phạm Thị M5 khai nhận vì muốn đập phá láng trại Công ty nên cũng có nói to tiếng "đập trại"). Trong quá trình nói "Đập trại" nhóm đối tượng này đã có hành động kêu gọi những người dân tổ C ở phía dưới "đừng bỏ về, đi lên đập phá láng trại", các đối tượng đứng phía dưới sườn núi nghe được nội dung nên liền kéo về hướng láng trại.

Khi người dân tổ C kéo đến láng trại, do có đối tượng sợ, không dám đập phá và nói để qua tuần sau (qua điều tra không xác định được đối tượng nào nói) thì bị cáo X liền nói to tiếng bằng tiếng H'rê nghĩa tiếng Việt là "phá trại luôn bây giờ đi, không để tuần sau, chờ lâu quá" nhằm mục đích đề nghị các đối tượng phá láng trại luôn bây giờ. Liền sau đó, người dân tổ C (Trong đó có 24 bị cáo gồm: Phạm Văn X, Phạm Văn G1, Phạm Văn D2, Phạm Văn T, Phạm Văn

M1, Phạm Văn C2, Phạm Văn X5, Phạm Văn Ứ, Đinh Văn T8, Phạm Văn H3, Phạm Văn L2, Phạm Văn R1, Phạm Văn N3, Phạm Văn M3, Phạm Văn X6, Phạm Văn H4, Phạm Thị B3, Phạm Thị C1, Phạm Thị B2, Phạm Thị P, Phạm Thị H1, Phạm Thị P3, Phạm Văn S1, Phạm Thị H6) xông đến chỗ láng trại, liền dùng cuốc, rựa và tay đập phá láng trại, làm hư hỏng: 09 tấm tôn lạnh màu xanh Hoa Sen 0,4mm, có kích thước (3 x 1,2)m; 03 tấm tôn lạnh màu xanh Hoa Sen 0,4mm, có kích thước (3,5 x 1,1)m; 02 tấm bạt nhựa màu xanh – cam cùng có kích thước (5 x 5)m; 08 cái chén sứ loại "HC made in Viet Nam", có kích thước cao 5cm, đường kính miệng 11cm.

Tiếp đó, nhiều người dân tổ C (Trong đó có 18 bị cáo gồm: Phạm Văn X, Phạm Văn G1, Phạm Văn D2, Phạm Văn T, Phạm Văn C2, Phạm Văn X5, Phạm Văn Ứ, Đinh Văn T8, Phạm Văn L2, Phạm Văn X6, Phạm Văn S1, Phạm Thị B3, Phạm Thị C1, Phạm Thị B2, Phạm Thị P, Phạm Thị H1, Phạm Thị H6, Phạm Thị P3) kéo đến vườn ươm bầu cây keo sát lán trại rồi dùng tay nhổ, ném, vứt bỏ tổng cộng 25.760 bầu cây keo con (loại cây keo lai 5,5 tháng tuổi, dòng AH7; có đường kính gốc 0,5cm, dài 54cm).

Sau khi phá xong, các đối tượng bỏ đi về, trên đường đi qua vị trí tập kết phân bón của Công ty tại vị trí lô 46, khoảnh 5, tiểu khu D thì một số người dân tổ C. Trong đó có 06 bị cáo gồm: Phạm Văn X, Phạm Văn G1, Phạm Văn T, Phạm Văn X5, Phạm Văn L2, Phạm Văn N3 đã dùng cuốc, rựa cây làm rách vỏ bao và kéo 12 bao phân NPK SÔNG GIANG loại 10-10-5+TE, bao 25kg đổ vãi trên mặt đất.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 07/4/2023, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận:

- 08 (tám) cái chén sứ loại "HC made in Việt Nam", có kích thước cao 5cm, đường kính miệng 11cm bị bể vỡ hoàn toàn (bị hủy hoại hoàn toàn): 96.000đồng.

- 09 (chín) tấm tôn lạnh màu xanh Hoa Sen 0,4mm, ngày sản xuất 27/11/2021, có kích thước (3x1,2)m bị rách, thủng nhiều chổ và móp méo (bị hư hỏng): 2.741.284 đồng.

- 03 (ba) tấm tôn lạnh màu xanh Hoa Sen 0,4mm, ngày sản xuất 27/11/2021, có kích thước (3,5x1,2)m bị rách, thủng nhiều chổ và móp méo (bị hư hỏng): 1.066.055 đồng.

- 02 (hai) tấm bạt nhựa màu xanh – cam cùng có kích thước (5x5)m bị rách hoàn toàn (bị hủy hoại hoàn toàn không khôi phục được): 400.000 đồng.

- 25.760 (hai mươi lăm nghìn bảy tram sau mươi) bầu cây keo giống. Đặc điểm trung bình bầu cây keo: Bằng nilong có kích thước cao 7cm, đường kính 4cm, đường kính gốc cây keo trong bầu 0,5cm, cao 54cm, loại cây keo lai 5,5 tháng tuổi, dòng AH7 (bị hủy hoại hoàn toàn): 38.124.800 đồng.

- 773 (bảy trăm bảy mươi ba) cây keo. Đặc điểm trung bình cây keo: đường kính gốc cây keo 0,5cm, cao 70cm, loại cây keo lai 5,5 tháng tuổi, dòng AH7 (bị hủy hoại hoàn toàn): 1.530.540 đồng.

- 250 (hai trăm năm mươi) cây keo. Đặc điểm trung bình cây keo: đường kính gốc cây keo 0,5cm, cao 70cm, loại cây keo lai 5,5 tháng tuổi, dòng AH7 (bị hủy hoại hoàn toàn): 495.000 đồng.

- 12 (mười hai) bao phân NPK SÔNG GIANH, loại 10-10-5+TE (loại 25 kg/bao, tháng sản xuất 3/2022; bị hủy hoại): 3.270.000 đồng.

Tổng cộng: 47.723.679 đồng (Bốn mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi chín đồng).

*** Vụ thứ hai:**

Sau khi người dân ở tổ C đã chiếm được đất, trồng cây keo và thực hiện hành vi phạm tội hủy hoại tài sản vào ngày 07/02/2023 như đã nêu ở trên, người dân thôn C tiếp tục thực hiện thêm 02 đợt (đợt 1 vào ngày 26/02/2023; đợt 2 vào ngày 11/5/2023; đồng thời cuối tháng 02/2023 khoảng 60 đối tượng ở tổ C kéo đến trụ sở UBND tỉnh Q để đòi gặp các đồng chí lãnh đạo cấp tỉnh) kéo đến thửa đất để trồng dặm thêm cây keo và phát chồi trên tổng diện tích đã lấn chiếm (tuy nhiên đều không xảy ra việc đập phá tài sản của công ty).

Tiếp đến ngày 14/5/2023, người dân thôn C mang theo rựa, cuốc và cây keo con kéo đến thửa đất để tiếp tục phát chồi và trồng dặm thêm cây keo. Tương tự như vụ án hình sự xảy ra vào ngày 07/02/2023, trước đó người dân thôn C chỉ thống nhất với nhau sáng ngày mai, tức ngày 14/5/2023 những gia đình nào đã tham gia việc đòi lại đất, chiếm đất công ty sẽ cùng đi phát chồi và trồng dặm thêm cây keo con. Việc thống nhất này không tổ chức họp ở nhà ai mà trong lúc người dân tập trung gần xóm nói chuyện với nhau, đề cập và thống nhất nội dung đi làm; sau đó người dân trong thôn cứ truyền tai nhau về nội dung trên để cùng thực hiện (*riêng cây keo giống được các đối tượng mua của ông M6 ở dưới Đ để tại nhà ông Phạm Văn G5 trong thôn; bà Phạm Thị N là vợ của bị can Phạm Văn X, là người đi trả tiền mua cây keo con cho ông Phạm Văn G5; bởi vì bà N giữ tiền chung của các hộ tham gia đóng tiền 30.000đ/hộ để chiếm đất trồng cây keo chung)* không đề cập đến việc đập phá tài sản.

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 14/5/2023, 66 người dân thôn C kéo lên thửa đất, rồi tràn ra hết khu đất để phát chồi và trồng dặm thêm cây keo mới trên toàn bộ diện tích. Trong đó, có đối tượng dùng rựa phát chồi, có đối tượng cầm cuốc đào hố, có đối tượng trồng cây keo con. Lúc này, các nhân viên công ty gồm: Nguyễn Quốc B11, Tống Duy T14, Võ Thành Ngọc H12, Lê Bá T15, Trần Vũ Q1, Trần Việt T12, Ngô Minh Đ4, Phạm Văn H11, Phạm Văn P6, Phạm Văn T13 có mặt tại đây và các đối tượng xảy ra cãi vã, to tiếng qua lại với nhau, trong đó nhân viên công ty có hành vi nhổ bỏ cây keo các đối tượng đã trồng trái phép. Do bức xúc với bên nhân viên công ty nhổ cây keo và có lời nói trách thức nên tất cả các đối tượng bắt đầu nãy sinh ý định tiếp tục đập phá lán trại để đuổi nhân viên công ty đi về, không cho ở trên đất đã lấn chiếm nên các đối tượng bắt đầu kéo về hướng lán trại, tập trung xung quanh láng trại để mục đích đập phá tài sản.

Đến khoảng 06 giờ 45 phút cùng ngày, 66 người dân tổ C tập trung xung quanh láng trại (Tọa độ (598226, 1626968) thuộc lô 46, khoảnh 5, tiểu khu D xã B, huyện B), thời điểm này hầu hết các đối tượng có mặt tại đây đều có chung mong muốn đập phá láng trại để đuổi nhân viên công ty đi về, nhưng chưa dám thực hiện. Liền lúc này, bị cáo Phạm Văn T nói to tiếng "Cô…, giở trại đi" nhằm mục đích hô hào các đối tượng cùng thực hiện hành vi đập phá lán trại. Tiếp đó, bị cáo Phạm Văn X liền nói to tiếng "dọn dẹp đồ đi", "có xe dọn dẹp xe đi" nhằm mục đích đề nghị nhân viên công ty D6 và xe mô tô bên trong lán trại dắt ra ngoài để chuẩn bị đập phá láng trại. Sau đó, bị cáo Phạm Văn H ở tổ A, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định liền nói to tiếng "Rồi, vô đi…, vô đi". Liền sau đó, nhiều người dân tổ cây muối. Trong đó có 24 bị cáo *(gồm: Phạm Văn X, Phạm Thị B3, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn X6, Phạm Văn G1, Phạm Văn L2, Phạm Văn T, Phạm Văn X5, Phạm Thị H1, Phạm Thị B2, Phạm Thị H6, Phạm Thị C1, Phạm Văn S1, Phạm Thị P3, Phạm Văn H4, Đinh Văn T8, Phạm Văn Ứ, Phạm Văn N3, Phạm Văn M3, Phạm Thị P, Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn H)* xông vào dùng tay, cuốc, rựa đập phá lán trại, làm hư hỏng gồm: 10 tấm tôn lạnh Hoa Sen 0,4mm *(trong đó: 03 tấm có kích thước (3 x 1,2)m và 07 tấm có kích thước (3,5 x 1,12)m*); 04 tấm bạt (*kích thước như sau: (4 x 4)m, (4 x 6)m và (4 x 8)m)*; 02 đèn pin đội đầu màu vàng hiệu Mickey TP 8068 loại 03 viên pin; 02 bộ pin năng lượng mặt trời (*gồm 02 đèn sáng, 02 tấm pin năng lượng*); 01 canh nhựa loại 30 lít; 01 tấm cuộn cách nhiệt dài 30m, rộng 1,55m; 02 ghế nhựa có kích thước *(27 x 27 x 46)*cm và nhổ, vứt bỏ 800 bầu cây keo con (*loại cây keo lai 8,5 tháng tuổi, dòng AH7; có đường kính gốc 0,5cm, dài 70cm, được tập kết từ ngày 13/9/2022).*

Riêng bị cáo Phạm Văn D2 không trực tiếp đập phá tài sản, chỉ đứng xung quanh lán trại, cầm điện thoại quay video phát trực tiếp trên mạng xã hội facebook nhưng vẫn mong muốn đập phá lán trại xảy ra và 14 đối tượng còn lại (*gồm: Phạm Văn L4, Phạm Thị B9, Phạm Văn X2, Phạm Văn M7, Phạm Văn Ă, Phạm Văn L1, Phạm Thị K5, Phạm Văn G5, Phạm Thị K1, Phạm Văn V2, Phạm Thị G13, Phạm Văn G10, Phạm Thị B10, Phạm Thị N8)* không trực tiếp tham gia đập phá tài sản, chỉ đứng xung quanh láng trại nhìn. Sau khi đập phá tài sản xong, toàn bộ người dân tổ C bỏ đi về nhà.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 09/6/2023, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận:

- 03 (ba) tấm tôn lạnh màu xanh Hoa Sen 0,4mm, có kích thước (3x1,2)m bị rách, thủng nhiều chổ và móp méo (bị hư hỏng): 1.084.724 đồng.

- 07 (bảy) tấm tôn lạnh mà xanh Hoa Sen 0,4mm, có kích thước (3,5x1,2)m bị rách, thủng nhiều chổ và móp méo (bị hư hỏng): 2.487.462 đồng.

- 02 (hai) tấm bạt bằng nilong màu xanh có kích thước lần lượt như sau: (4 x 4)m và (4 x 6)m bị rách hoàn toàn (Bị hủy hoại): 400.000 đồng.

- 01 (một) tấm bạt bằng nilong màu xanh hai lớp kính thức (5 x 5)m bị rách hoàn toàn (Bị hủy hoại): 880.000 đồng.

- 01 (một) tấm bạt bằng nilong màu sọc trắng-xanh có kích thước (6 x 8)m bị rách hoàn toàn (Bị hủy hoại): 420.000 đồng.

- 02 đèn pin đội đầu màu vàng hiệu Mickey TP 8068 loại 03 viên pin có kích thước (6,5 x 6,5)cm bị bể vỡ (Bị hủy hoại): 112.000 đồng.

- 01 bộ P7 năng lượng mặt trời, gồm: 01 đèn sáng hiệu Rạng Đông, ký hiệu CP01/40W có kích thước (20 x 14 x 9)cm và 01 tấm pin năng lượng hiệu Rạng Đông ký hiệu Model: PV 610x350, có kích thước (610 x 350 x 17)mm bị tách rời hoàn toàn nằm rãi rác, bị hư hỏng (Bị hư hỏng): 1.160.000 đồng.

- 01 bộ P7 năng lượng mặt trời, gồm: 01 đèn sáng hiệu R, ký CP02.SL.RF 40W có kích thước (18 x 16)cm và 01 tấm pin năng lượng hiệu Rạng Đông ký hiệu Model: PV 577x357/40W, có kích thước (577 x 357 x 30)mm bị tách rời hoàn toàn nằm rãi rác, hư hỏng (Bị hư hỏng): 1.160.000 đồng.

- 01 can nhựa màu trắng loại 30 lít ký hiệu "Vocarimex" bị rách, hư hỏng (Bị huỷ hoại): 50.000 đồng.

- 01 tấm cuộn cách nhiệt màu trắng có ký hiệu "P2CT:4mmm" có kích thước dài 30m, rộng 1,55m bị rách, bị rách, hư hỏng hoàn toàn (Bị hủy hoại): 1.086.938 đồng.

- 02 ghế nhựa hiệu "Đại Đồng Tiến" có kích thước (27 x 27 x 46)cm bị bể hư hỏng hoàn toàn (Bị hủy hoại): 100.000 đồng.

- 800 bầu cây keo con (Bằng nilong có kích thước cao 7cm, đường kính 4cm, đường kính gốc cây keo trong bầu 0,5cm, cao 60cm, loại cây keo lai 8,5 tháng tuổi, dòng AH7) bị nhổ, vứt bỏ hư hỏng (Bị hủy hoại): 1.184.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại: 10.125.124 đồng *(Mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn một trăm hai mươi bốn đồng)*.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi "Hủy hoại tài sản" tại tiểu khu D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nhằm mục đích đòi lại đất của Công ty.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 31/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn X, Phạm Văn G1, Phạm Văn T, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Đinh Văn T8, Phạm Thị B2, Phạm Thị B3, Phạm Thị H1, Phạm Thị H6**,** Phạm Văn D2, Phạm Thị C1, Phạm Văn S1, Phạm Văn X5, Phạm Văn R1, Phạm Văn X6, Phạm Văn Ứ, Phạm Văn L2, Phạm Văn H4, Phạm Thị P3, Phạm Văn N3, Phạm Văn M3, Phạm Thị P, Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn H về tội "Hủy hoại tài sản" được quy định tại khoản 01 Điều 178 Bộ luật hình sự hiện hành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn G1, Phạm Văn T, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Đinh Văn T8, Phạm Thị B2, Phạm Thị B3, Phạm Thị H1, Phạm Thị H6, Phạm Văn D2, Phạm Thị C1, Phạm Văn S1, Phạm Văn X5, Phạm Văn R1, Phạm Văn X6, Phạm Văn Ứ, Phạm Văn L2, Phạm Văn H4, Phạm Thị P3, Phạm Văn N3, Phạm Văn M3, Phạm Thị P, Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn H về tội "Hủy hoại tài sản" được quy định tại khoản 01 Điều 178 Bộ luật hình sự hiện hành.

Về hình phạt:

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T, Phạm Văn D2 từ 12 tháng đến 16 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn X6, Phạm ăn G14, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn X5,

Phạm Văn S1, Phạm Văn Ứ, Phạm thị B3, Phạm Văn L6 từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H4, Phạm Thị C1, Phạm Văn R1, Đinh Văn T8, Phạm Thị B2, Phạm Thị H1, Phạm Thị P3, Phạm Thị H6, Phạm Văn H, Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn M3, Phạm Văn N3, Phạm Thị P từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về dân sự trong vụ án: Giữa bị hại và các bị báo đã thống nhất thỏa thuận bồi thường xong, bên bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị miễn xét.

* Về án phí buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo *Phạm Văn X, Phạm Văn D2, Phạm Văn H, Phạm Văn Ứ, Phạm Văn L2, Phạm Văn H4:* Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn X 24 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt các bị cáo Phạm Văn D2, Phạm Văn Ứ, Phạm Văn L2 12 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H, Phạm Văn H4 06 tháng cải tạo không giam giữ;

Người bào chữa cho bị cáo *Phạm Văn T, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn G1, Đinh Văn T8:* Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 52 Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; xử áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn G1, Đinh Văn T8 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; Không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo *Phạm Văn X6, Phạm Văn X5, Phạm Văn S1, Phạm Văn R1, Phạm Thị H6:* Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Phạm Văn R1, Phạm Thị H6 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 52 Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt

các bị cáo Phạm Văn X6, Phạm Văn X5, Phạm Văn S1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; Không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo *Phạm Thị P3, Phạm Thị B2, Phạm Thị H1, Phạm Thị C1, Phạm Thị B3:* Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị B3 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Phạm Thị P3, Phạm Thị B2, Phạm Thị H1, Phạm Thị C1 06 tháng cải tạo không giam giữ; Không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo *Phạm Văn M1, Phạm Văn N3, Phạm Văn M3, Phạm Văn T9, Phạm Thị P:* Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Phạm Văn M1, Phạm Văn N3, Phạm Văn M3, Phạm Văn T9, Phạm Thị P từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; Không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T, Phạm Văn D2, Phạm Văn G1, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn X5, Phạm Văn X6, Phạm Văn S1, Phạm Văn Ứ, Phạm Thị B3, Phạm Văn L2, Phạm Văn H4, Phạm Thị C1, Phạm Văn R1, Đinh Văn T8, Phạm Thị B2, Phạm Thị H1, Phạm Thị P3, Phạm Thị H6; Phạm Văn H, Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn M3, Phạm Văn N3, Phạm Thị P khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo không khiếu nại gì về kết luận giám định, các quyết định cũng như các hành vi của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Xét thấy những người vắng mặt đã nhận được triệu tập hợp lệ của Tòa án nhưng vắng mặt, đồng thời quá trình điều tra, truy tố đã có bản khai nên không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi của các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T, Phạm Văn D2, Phạm Văn G1, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn X5, Phạm Văn X6, Phạm Văn S1, Phạm Văn Ứ, Phạm Thị B3, Phạm Văn L2, Phạm Văn H4, Phạm Thị C1, Phạm Văn R1, Đinh Văn T8, Phạm Thị B2, Phạm Thị H1, Phạm Thị P3, Phạm Thị H6; Phạm Văn H, Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn M3, Phạm Văn N3, Phạm Thị P đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản xác định vật chứng, xác định hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận:

Xuất phát từ mâu thuẫn trong giải quyết tranh chấp đất đai giữa người dân tổ C với Công ty TNHH MTV L7 và việc ăn chia sản phẩm trồng rừng kinh tế với Công ty về chu kỳ 2014 - 2022 *(các hộ dân cho rằng bên công ty đã không minh bạch, không công bằng trong việc ăn chia sản phẩm giá trị tài sản cây keo, số tiền được nhận thấp)* nên các hộ dân tổ C không tiếp tục hợp đồng kinh tế trồng rừng và cho rằng đất đai có nguồn gốc của dân nên đòi lại quyền sử dụng đất. Do đó, từ tháng 5/2022 bắt đầu xảy ra việc tranh chấp, phát sinh xung đột giữa các hộ dân tổ C với bên công ty chưa được giải quyết thỏa đáng nên vào ngày 07/02/2023 người dân tổ C (Trong đó có các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T, Phạm Văn D2, Phạm Văn G1, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn X5, Phạm Văn X6, Phạm Văn S1, Phạm Văn Ứ, Phạm Thị B3, Phạm Văn L2, Phạm Văn H4, Phạm Thị C1, Phạm Văn R1, Đinh Văn T8, Phạm Thị B2, Phạm Thị H1, Phạm Thị P3, Phạm Thị H6) đã cùng nhau sử dụng công cụ *(Cuốc, rựa…)* đập phá tài sản công ty gồm: Nhổ cây keo Công ty đã trồng để trồng cây

keo mới, đập phá lán trại, nhổ phá bầu cây keo giống, phân bón của Công ty gây thiệt hại 47.723.679 đồng.

Không dừng lại ở đó, vào sáng ngày 14/52023, người dân tổ cây muối (Trong đó có các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T, Phạm Văn D2, Phạm Văn G1, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn X5, Phạm Văn X6, Phạm Văn S1, Phạm Văn Ứ, Phạm Thị B3, Phạm Văn L2 – đã thực hiện hành vi đập phá tài sản vào ngày 07/02/2023 và các bị can Phạm Văn H, Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn M3, Phạm Thị P) tiếp tục phát chồi và trồng dặm cây keo thì xảy ra cãi vã, to tiếng với nhân viên công ty đang có mặt tại đây. Do bức xúc nhân viên công ty nhổ cây keo và có lời nói thách thức nên các đối tượng tiếp tục nãy sinh ý định đập phá lán trại để đuổi nhân viên Công ty đi về. Sau đó, các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn X, Phạm Văn H lần lượt đã có những lời nói và hành động nhằm mục đích hô hào, đề nghị các đối tượng cùng thực hiện hành vi đập phá lán trại thì một số người dân và các bị cáo có hành vi dùng cuốc, rựa, tay đập phá tài sản, gây thiệt hại cho Công ty 10.125.124 đồng.

Hành vi do các bị cáo thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự ở địa phương, đủ các yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T, Phạm Văn D2, Phạm Văn G1, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn X5, Phạm Văn X6, Phạm Văn S1, Phạm Văn Ứ, Phạm Thị B3, Phạm Văn L2, Phạm Văn H4, Phạm Thị C1, Phạm Văn R1, Đinh Văn T8, Phạm Thị B2, Phạm Thị H1, Phạm Thị P3, Phạm Thị H6; Phạm Văn H, Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn M3, Phạm Văn N3, Phạm Thị P về tội "Hủy hoại tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, khi các đối tượng đang thực hiện hành vi chiếm đất trái pháp luật, lúc này các đối tượng mới bắt đầu nãy sinh ý định và đều mong muốn, đồng ý chí thực hiện hành vi đập phá láng trại, tài sản của Công ty với mục đích đuổi nhân viên Công ty Đ6 về. Các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm; không phân công nhiệm vụ, vai trò của những người đồng phạm ở giai đoạn trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Tất cả các bị cáo trong vụ án này đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là người đồng bào dân tộc Hre, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, các bị cáo chủ yếu là hộ nghèo, phần lớn đã có gia đình và là lao động chính trong gia đình…

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T, Phạm Văn D2, Phạm Văn G1, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn X5, Phạm Văn X6, Phạm Văn S1, Phạm Văn Ứ, Phạm Thị B3, Phạm Văn L2 bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Riêng đối với các bị cáo Phạm Văn H4, Phạm Thị C1, Phạm Văn R1, Đinh Văn T8, Phạm Thị B2, Phạm Thị H1, Phạm Thị P3, Phạm Thị H6; Phạm Văn H, Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn M3, Phạm Văn N3, Phạm Thị P được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 BLHS.

[6] Về mức hình phạt áp dụng cho các bị cáo: Căn cứ theo vai trò, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh gia đình, hình phạt áp dụng cho các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Phạm Văn X: Trong cả hai vụ án xảy ra, bị cáo đều có những lời nói, có những hành động thể hiện vai trò hô hào, kêu gọi và đề nghị các đối tượng khác cùng thực hiện hành vi hủy hoại tài sản. Đồng thời, bị cáo cùng với bị cáo Phạm Thị C1, Phạm Văn D2 là những đối tượng có vai trò tích cực, hô hào người dân thực hiện hành vi chiếm đất trái pháp luật trong một khoảng thời gian dài, đây là một phần nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án xảy ra ngày 07/02/2023, bị cáo trực tiếp thực hiện chuỗi hành vi nhổ cây keo trồng, dùng cuốc đập phá lán trại, dùng tay nhổ phá bầu cây keo giống, dùng cuốc phá phân bón với các đối tượng, nên bị cáo phải chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 47.723.679đ đồng. Trong vụ án xảy ra ngày 14/5/2023, bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi dùng rựa đập phá tài sản lán trại với các đối tượng nên bị cáo phải chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 10.125.124 đồng. Như vậy, bị cáo Phạm Văn X đã phạm tội "Hủy hoại tài sản" 02 lần theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Do đó, áp dụng chế tài nghiêm khắc hơn, cần áp dụng hình phạt tù cao hơn so với các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Phạm Văn T: Trong cả hai vụ án, bị cáo đều có những lời nói, có những hành động thể hiện vai trò hô hào, kêu gọi và đề nghị các đối tượng khác cùng thực hiện hành vi hủy hoại tài sản, thể hiện vai trò tích cực. Trong vụ án xảy ra ngày 07/02/2023, bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi dùng cuốc đập phá lán trại, dùng tay nhổ bầu cây keo giống, dùng cuốc đập phá phân bón, tuy không nhổ cây keo với các đối tượng nhưng bị cáo phải chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 47.723.679đ đồng. Trong vụ án xảy ra ngày 14/5/2023, bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi dùng rựa đập phá tài sản lán trại với các đối tượng nên bị cáo phải chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 10.125.124 đồng. Như vậy, bị cáo Phạm Văn T đã phạm tội "Hủy hoại tài sản" 02 lần theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Do đó, áp dụng chế tài nghiêm khắc hơn, cần áp dụng hình phạt tù nhưng thấp hơn so với bị cáo Phạm Văn X.

Đối với bị cáo Phạm Văn D2: Trong hai vụ án xảy ra, tuy bị cáo không hô hào, kêu gọi các đối tượng thực hiện hành vi hủy hoại tài sản, nhưng ngược lại bị cáo là đối tượng có vai trò tích cực trong quá trình hô hào các đối tượng thực hiện hành vi chiếm đất trái pháp luật cùng với bị cáo Phạm Văn X, Phạm Thị C1, đây là nguyên nhân dẫn đến việc các đối tượng kéo đến hiện trường rồi xảy ra vụ án nêu trên, gây mất ANTT tại địa phương trong thời gian dài. Trong vụ án xảy ra ngày 07/02/2023, bị cáo có hành vi đánh kẻng kêu gọi các đối tượng tập trung đi chiếm đất, trực tiếp thực hiện chuỗi hành vi nhổ cây keo, dùng cuốc đập phá lán trại, nhổ phá bầu cây keo giống, tuy không đập phá phân bón với các đối tượng nhưng bị cáo phải chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 47.723.679đ đồng. Trong vụ án xảy ra ngày 14/5/2023, tuy bị cáo không trực tiếp đập phá tài sản nhưng bị cáo mong muốn việc đập phá tài sản xảy ra, bị cáo cầm điện thoại quay video, cổ vũ tinh thần nên bị cáo phải chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 10.125.124 đồng. Như vậy, bị cáo Phạm Văn D2 đã phạm tội "Hủy hoại tài sản" 02 lần theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Do đó, áp dụng chế tài nghiêm khắc hơn, cần áp dụng hình phạt tù tuy thấp hơn so với bị cáo Phạm Văn X nhưng ngang bằng với bị cáo T và cao hơn so với bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Phạm Thị C1: Trong vụ án xảy ra ngày 07/02/2023, tuy bị cáo không hô hào, kêu gọi các đối tượng thực hiện hành vi hủy hoại tài sản, nhưng bị cáo là đối tượng có vai trò tích cực trong quá trình hô hào, kêu gọi các đối tượng thực hiện hành vi chiếm đất trái pháp luật cùng với bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn D2, đây là nguyên nhân dẫn đến việc các đối tượng kéo đến hiện trường rồi xảy ra vụ án nêu trên, gây mất ANTT tại địa phương trong thời gian dài; bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi nhổ cây keo đã trồng của Công ty, nhổ bỏ bầu cây keo giống, tuy không đập phá phân bón nhưng bị cáo phải cùng chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 47.723.679đ. Đối với vụ án xảy ra ngày

14/5/2023, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với bị cáo. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Thị C1 đã phạm vào tội "Hủy hoại tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Lẽ ra cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo để ren đe, giáo dục. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là phụ nữ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương cải tạo, giáo dục. Tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Đối với bị cáo Phạm Văn H: Bị cáo không tham gia vụ án xảy ra vào ngày 07/02/2023. Trong vụ án xảy ra ngày 14/5/2023, bị cáo đã có lời nói, có những hành động thể hiện vai trò tích cực, hô hào, đề nghị các đối tượng khác cùng thực hiện hành vi hủy hoại tài sản. Bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi dùng rựa đập phá tài sản lán trại nên bị cáo phải chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 10.125.124 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Văn H đã phạm vào tội "Hủy hoại tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là lao động chính trong gia đình, có hai con nhỏ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương cải tạo, giáo dục. Tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Đối với các bị cáo Phạm Văn X6, Phạm Văn G1, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Phạm Văn X5, Phạm Văn S1, Phạm Văn Ứ, Phạm Thị B3, Phạm Văn L2: Trong vụ án xảy ra ngày 07/02/2023, các bị cáo trực tiếp thực hiện chuỗi hành vi nhổ cây keo, dùng cuốc, rựa đập phá mái tôn, dùng tay xé bỏ các tấm bạc; nhổ phá bầu cây keo giống, dùng cuốc đập phá phân bón với các đối tượng nên các bị cáo phải chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 47.723.679đ đồng. Trong vụ án xảy ra ngày 14/5/2023, các bị cáo đã cùng nhau trực tiếp thực hiện hành vi dùng cuốc, rựa đập phá mái tôn, dùng tay xé bỏ các tấm bạc; nhổ phá bầu cây keo giống nên các bị cáo phải chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 10.125.124 đồng. Tuy các bị cáo tham gia thực hiện cả hai vụ hủy hoại tài sản, nhưng xét thấy các bị cáo chỉ làm theo sự hô hào của bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T và thực hiện hành vi theo hiệu ứng đám đông, nên xét về bản chất hành vi ít nguy hiểm hơn so với các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T và Phạm Văn D2 nên hình phạt áp dụng cho các bị cáo thấp hơn, đồng thời xét thấy các bị cáo có nơi

cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cải tạo, giáo dục. Tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Đối với các bị cáo Phạm Thị H1, Phạm Thị P3, Phạm Thị H6, Phạm Văn H4, Phạm Văn R1, Đinh Văn T8, Phạm Thị B2: Trong vụ án xảy ra ngày 07/02/2023, các bị cáo trực tiếp cùng nhau thực hiện hành vi nhổ cây keo, dùng cuốc, rựa đập lên mái tôn, dùng tay xé tấm bạc và đập phá các tài sản của Công ty; nhổ bỏ bầu cây keo giống, một số bị cáo thực hiện hành vi đập phá phân bón. Do các bị cáo đồng ý chí với nhau trong việc thực hiện các hành vi trên nên phải cùng nhau chịu trách nhiệm đối với hậu quả chung đối với giá trị tài sản bị thiệt hại là 47.723.679 đồng. Xét thấy các bị cáo chỉ làm theo sự hô hào của bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T và thực hiện hành vi theo hiệu ứng đám đông, nên xét về bản chất hành vi ít nguy hiểm hơn so với các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T và Phạm Văn D2 nên hình phạt áp dụng cho các bị cáo thấp hơn, đồng thời các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cải tạo, giáo dục các bị cáo. Tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm thể hiện tinh nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Đối với các bị cáo Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn M3, Phạm Văn N3, Phạm Thị P: Là những người trực tiếp thực hiện hành vi dùng rựa, cuốc đập phá mái tôn, dùng tay đập phá tài sản tại láng trại và nhổ bỏ các bầu cây keo giống vào ngày 14/5/2023 nên các bị cáo phải chịu chung giá trị tài sản bị thiệt hại là 10.125.124 đồng. Xét thấy các bị cáo chỉ làm theo sự hô hào của bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T và thực hiện hành vi theo hiệu ứng đám đông, nên xét về bản chất hành vi ít nguy hiểm hơn so với các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn T và Phạm Văn D2 nên hình phạt áp dụng cho các bị cáo thấp hơn, đồng thời các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cải tạo, giáo dục các bị cáo. Tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm thể hiện tinh nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với những bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ: Theo quy định tại khoản 5

Điều 178 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng; đồng thời theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự người bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trong thời gian chấp hành án còn bị khấu trừ thu nhập từ 05% đến 20%. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của tất cả các bị cáo trong vụ án này thuộc diện khó khăn, gia đình các bị cáo là hộ nghèo, các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung cũng như thi hành khấu trừ một phần thu nhập, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, cũng như miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giảm giữ trong thời gian chấp hành án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện cho bên bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên miễn xét.

[9] Về án phí: Xét các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho tất cả các bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 17/03/2025. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn X, Phạm Văn G1, Phạm Văn T, Phạm Văn C2, Phạm Văn H3, Đinh Văn T8, Phạm Thị B2, Phạm Thị B3, Phạm Thị H1, Phạm Thị H6**,** Phạm Văn D2, Phạm Thị C1, Phạm Văn S1, Phạm Văn X5, Phạm Văn R1, Phạm Văn X6, Phạm Văn Ứ, Phạm Văn L2, Phạm Văn H4, Phạm Thị P3, Phạm Văn N3, Phạm Văn M3, Phạm Thị P, Phạm Văn M1, Phạm Văn T9, Phạm Văn H phạm tội "Hủy hoại tài sản".

1. Về hình phạt:

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn X 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tam giam từ ngày 06/11/2023 đến ngày 10/12/2023.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn D2 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị C1 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Thị C1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo”.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 06 tháng tù cho hưỡng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo”.

1.6. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn G1 09 (chín) tháng tù cho hưỡng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn G1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo".

1.7. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn C2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn C2 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo".

1.8. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H3 09 (chín) tháng tù cho hưỡng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn H3 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo".

1.9. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt

bị cáo Phạm Văn X5 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn X5 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo".

1.10. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn X6 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn X6 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo".

1.11. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn S1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo".

1.12. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Ứ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn Ứ cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo".

1.13. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị B3 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn B12 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo".

1.14. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn L2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/03/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn L2 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo".

1.15. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H4 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn H4 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Văn H4 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn H4.

1.16. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn R1 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn R1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Văn R1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn R1.

1.17. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Văn T8 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đinh Văn T8 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Đinh Văn T8 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đinh Văn T8.

1.18. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị B2 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Thị B2 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Thị B2 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Thị B2.

1.19. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H1 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Thị H1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Thị H1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Thị H1.

1.20. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị P3 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Thị P3 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Thị P3 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Thị P3.

1.21. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H6 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Thị H6 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Thị H6 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Thị H6.

1.22. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn M1 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn M1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Văn M1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn M1.

1.23. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T9 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn T9 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Văn T9 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn T9.

1.24. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn M3 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn M3 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Văn M3 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn M3.

1.25. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn N3 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn N3 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Văn N3 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn N3.

1.26. Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị P 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Thị P cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Thị P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Thị P.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho chủ sở hữu Phạm Văn X: 01 *(một)* căn cước công dân số 051094001309, họ và tên: Phạm Văn X, sinh ngày 08/011994 do Cục C16 về TTXH; cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021.

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 *(một)* 01 USB màu đen, có ký hiệu "Kingston DT101 G2" 16GB; 03 *(ba)* đĩa DVD-R 4.7GB16X chứa đựng các tập tin file video ghi lại hình ảnh vụ việc các bị cáo và các đối tượng đập phá tài sản lán trại, bầu cây keo con vào ngày 07/02/2023 và đập phá tài sản lán trại vào ngày 14/5/2023.

3. Về dân sự: miễn xét.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 17/03/2025. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- VKSND H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an tỉnh Q;
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Ngoan